

Số: 755 /SNV-CCHC

Quảng Bình, ngày 23 tháng 6 năm 2014

BÁO CÁO

Kết quả xác định Chỉ số CCHC năm 2013 của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

Triển khai thực hiện Quyết định số 3229/QĐ-UBND ngày 26/12/2013 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đề án “Xác định Chỉ số CCHC cấp sở, ban, ngành, cấp huyện và cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Bình” (sau đây gọi tắt là Quyết định số 3229/QĐ-UBND), UBND tỉnh đã giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn triển khai thực hiện xác định Chỉ số CCHC (Chỉ số CCHC) nhằm đánh giá một cách thực chất, khách quan, công bằng kết quả triển khai thực hiện công tác CCHC hàng năm của sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh.

Sở Nội vụ báo cáo tình hình và kết quả triển khai xác định Chỉ số CCHC năm 2013 với các nội dung sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH

Sau khi có Quyết định số 3229/QĐ-UBND, Sở Nội vụ đã ban hành các văn bản tham mưu, triển khai, hướng dẫn thực hiện sau:

- Công văn số 291/SNV-CCHC và Công văn số 292/SNV-CCHC ngày 25/3/2014 về việc hướng dẫn tự đánh giá, chấm điểm để xác định Chỉ số CCHC sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện;

- Kế hoạch số 419/KH-SNV ngày 16/4/2014 về việc điều tra xã hội học phục vụ xác định Chỉ số CCHC năm 2013 của các sở, ban, ngành cấp tỉnh, các huyện, thành phố và các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

- Tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định Chỉ số CCHC gồm 10 thành viên là đại diện lãnh đạo và công chức các Sở Nội vụ, Tư pháp, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Thông tin và Truyền thông (Quyết định số 1405/QĐ-UBND ngày 02/6/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh);

- Từ ngày 31/3/2014 đến hết ngày 01/4/2014 tổ chức tập huấn công tác xác định Chỉ số CCHC cho lãnh đạo, cán bộ, công chức các sở, ban ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện và UBND cấp xã;

- Ngày 24/4/2014 tổ chức Hội nghị triển khai và chuyển giao phiếu điều tra xã hội học để thực hiện tại các cơ quan, đơn vị, địa phương;

- Xây dựng hệ thống câu hỏi điều tra xã hội học, phiếu điều tra xã hội học xác định Chỉ số CCHC các cấp.

II. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2013

1. Đối tượng và phương pháp xác định Chỉ số CCHC

a. Đối tượng

- Ở cấp tỉnh: Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh (20 sở, ban, ngành);

- Ở cấp huyện: Các huyện, thành phố, thị xã trên địa bàn tỉnh Quảng Bình (07/08 huyện, thị xã, thành phố; năm 2013 huyện Quảng Trạch điều tra chung vì chưa chia tách).

b. Phương pháp xác định Chỉ số CCHC

Theo quy định tại Quyết định số 3229/QĐ-UBND, Chỉ số CCHC được xây dựng riêng cho cấp sở và cấp huyện. Như vậy, các sở, ban, ngành được đánh giá, so sánh với nhau và các huyện, thành phố, thị xã trên địa bàn tỉnh được đánh giá, so sánh với nhau. Chỉ số CCHC cấp sở được xác định trên 8 lĩnh vực, 34 tiêu chí và 84 tiêu chí thành phần; Chỉ số CCHC cấp huyện được xác định trên 8 lĩnh vực, 34 tiêu chí và 90 tiêu chí thành phần. Việc đánh giá, chấm điểm các tiêu chí, tiêu chí thành phần để xác định Chỉ số CCHC được thực hiện theo phương pháp sau:

- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện tự đánh giá và cho điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính theo các lĩnh vực tương ứng với tiêu chí, tiêu chí thành phần được quy định trong Chỉ số CCHC của từng cấp (Tại các Phụ lục I, II đính kèm Quyết định 3229/QĐ-UBND);

- Sở Nội vụ chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện thực hiện điều tra xã hội học trên cơ sở các bộ câu hỏi, phiếu điều tra để đánh giá theo các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần (được thể hiện tại Phụ lục I, II đính kèm Quyết định 3229/QĐ-UBND).

- Sau khi có kết quả tự đánh giá của các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện; trên cơ sở theo dõi, kiểm tra và tài liệu kiểm chứng, Hội đồng thẩm định tổ chức thẩm định điểm tự đánh giá để xác định Chỉ số CCHC của các sở, ban, ngành; các huyện, thành phố.

Đối với những tiêu chí, tiêu chí thành phần không tương đồng giữa các sở, ban, ngành thì Hội đồng thống nhất chấm 50% điểm cho sở, ban, ngành không có các tiêu chí tương đồng đó.

- Điểm số đánh giá Chỉ số CCHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương là kết quả tổng điểm thẩm định của Hội đồng với điểm điều tra xã hội học. Từ điểm số đánh giá này so với tổng điểm tối đa trong bộ chỉ số để tính tỷ lệ đạt được về Chỉ số CCHC của từng đơn vị cụ thể.

2. Tình hình triển khai thực hiện xác định Chỉ số CCHC năm 2013

a. Công tác tự đánh giá, chấm điểm

Sau quá trình tích cực triển khai, đến ngày 30/5/2014 tất cả các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố đã gửi báo cáo tự đánh giá chấm điểm của đơn vị kèm theo tài liệu kiểm chứng về Sở Nội vụ. Phần lớn các báo cáo tự đánh giá, chấm điểm và tài liệu kiểm chứng tương đối đầy đủ và hợp lệ. Tuy nhiên, vẫn còn một số báo cáo không rõ, tài liệu kiểm chứng chưa đầy đủ (như: Sở Ngoại vụ, Sở Công Thương, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, UBND huyện Minh Hóa, Quảng Trạch,...) khiến việc thẩm định, đánh giá gặp nhiều khó khăn. Trên cơ sở báo cáo tự đánh giá, chấm điểm và tài liệu kiểm chứng kèm theo của các đơn vị, địa phương, Sở Nội vụ đã tổng hợp trình Hội đồng thẩm định để tổ chức rà soát lại kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các đơn vị, địa phương.

Quá trình làm việc của Hội đồng thẩm định (2 ngày, từ 17-18/6/2014) được diễn ra nghiêm túc, khách quan, đúng quy định; theo đó, các kết quả tự đánh giá của các đơn vị, địa phương được rà soát kỹ lưỡng để đảm bảo kết quả đánh giá từng tiêu chí, tiêu chí thành phần được chính xác, khách quan, công bằng giữa các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố.

(Đính kèm Phụ lục 3, 4 - Điểm thẩm định theo các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần đối với các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố)

b. Tổ chức điều tra xã hội học

Sở Nội vụ đã triển khai công tác điều tra xã hội học cho các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố với tổng số mẫu điều tra là 1966 phiếu.

Từ ngày 25/4/2014 đến 10/5/2014 các cơ quan, đơn vị, địa phương đã tiến hành điều tra, thu thập phiếu điều tra và gửi về Sở Nội vụ để tổng hợp, xử lý số liệu, kết quả thu về tổng số 1966 phiếu, đạt 100% so với tổng số phiếu đã phát ra, cụ thể:

- Lấy phiếu đánh giá cho cấp sở, ban, ngành: 1.266 phiếu, trong đó:
 - + Lãnh đạo các sở, ban, ngành đánh giá: 60 phiếu (3 phiếu × 20 sở, ban, ngành);
 - + Lãnh đạo các phòng thuộc sở, ban, ngành đánh giá: 280 phiếu (14 phiếu × 20 sở, ban, ngành);
 - + Lãnh đạo UBND cấp huyện đánh giá: 21 phiếu (03 phiếu × 7 huyện, thành phố);
 - + Lãnh đạo, công chức các phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện đánh giá cho sở, ban, ngành quản lý cấp trên: 520 phiếu (04 phiếu × 7 huyện × 18 sở, ngành; Ban Dân tộc điều tra 4 huyện có phòng Dân tộc × 4 phiếu/huyện; Ban QL Khu kinh tế không điều tra đối tượng này);
 - + Doanh nghiệp, tổ chức có liên quan đánh giá: 200 phiếu;
 - + Người dân có liên quan giao dịch: 185 phiếu.
- Lấy phiếu đánh giá cho cấp huyện: 700 phiếu, trong đó:
 - + Đại biểu HĐND, lãnh đạo UBND cấp huyện đánh giá: 140 phiếu (Đại diện Hội đồng nhân dân cấp huyện 17 phiếu × 7 huyện, thành phố; Lãnh đạo UBND 3 phiếu × 7 huyện, thành phố);
 - + Lãnh đạo các phòng, đơn vị trực thuộc cấp huyện đánh giá: 140 phiếu (20 phiếu × 7 huyện, thành phố);
 - + Lãnh đạo UBND cấp xã đánh giá cho UBND huyện: 140 phiếu (20 phiếu × 7 huyện, thành phố);
 - + Doanh nghiệp hoặc cơ sở sản xuất liên quan đánh giá: 105 phiếu (15 phiếu × 7 huyện, thành phố);
 - + Người dân đánh giá: 175 phiếu (25 phiếu × 7 huyện, thành phố).

Trên cơ sở tổng hợp kết quả phiếu điều tra xã hội học và xử lý số liệu đã xác định được điểm của 24 tiêu chí, tiêu chí thành phần đánh giá qua điều tra xã hội học của 20 sở, ban, ngành và 25 tiêu chí, tiêu chí thành phần đánh giá qua điều tra xã hội học của 7 huyện, thành phố theo quy định.

(Đính kèm Phụ lục 5, 6 - Điểm điều tra xã hội học đối với các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố)

III. KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2013

1. Kết quả chung

Qua xác định Chỉ số CCHC 2013 của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện đã cho thấy tình hình công tác CCHC nói chung của từng sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố. Giá trị Chỉ số CCHC trung bình chung của 20 cơ quan chuyên môn cấp tỉnh đạt được là 70,27%, của 7 đơn vị cấp huyện là 73,39%. Qua đây cũng cho thấy kết quả xếp hạng (dựa trên cơ sở phân loại của Bộ Nội vụ) Chỉ số CCHC của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, và UBND cấp huyện, cụ thể:

- Có 02 sở, ngành và 01 đơn vị cấp huyện đạt Chỉ số CCHC trên 80%, thuộc nhóm Tốt (Sở Tư pháp, Ban quản lý các Khu Kinh tế, UBND thành phố Đồng Hới);

- Có 05 sở, ngành và 01 đơn vị cấp huyện đạt Chỉ số CCHC từ 75% đến 80%, thuộc nhóm Khá (Sở Văn hóa-Thể thao và Du lịch, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nội vụ, Sở Giao thông vận tải, Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND huyện Quảng Ninh);

- Có 05 sở, ngành và 04 đơn vị cấp huyện đạt Chỉ số CCHC từ 70% đến dưới 75%, thuộc nhóm Trung bình (Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng UBND tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND huyện Tuyên Hóa, UBND huyện Bố Trạch, UBND huyện Quảng Trạch);

- Có 08 sở, ngành và 01 đơn vị cấp huyện đạt Chỉ số CCHC dưới 70%, thuộc nhóm Thấp (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Y tế, Thanh tra tỉnh, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, Sở Ngoại vụ, Ban Dân tộc, Sở Công Thương, UBND huyện Minh Hóa).

Trong 8 lĩnh vực được đánh giá theo Chỉ số CCHC năm 2013 cho thấy những kết quả đạt được tương đối khách quan, thực chất so với quá trình triển khai thực hiện CCHC theo chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011-2020 của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện. Từ Chỉ số CCHC năm 2013 cho thấy đa số các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện đạt Chỉ số CCHC cao là những sở, ban, ngành năng động, coi trọng công tác chỉ đạo, điều hành CCHC, nghiêm túc xây dựng kế hoạch, có sự kiểm tra, thống kê báo cáo đầy đủ

các nội dung theo yêu cầu; tổ chức thực hiện nghiêm túc công tác cải cách thủ tục hành chính (TTHC), cải cách tổ chức bộ máy hành chính, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đổi mới cơ chế tài chính, hiện đại hóa hành chính,...

(Đính kèm Phụ lục 1, 2 - Bảng xếp thứ tự Chỉ số CCHC các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện)

2. Các Chỉ số thành phần theo lĩnh vực

a. Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC

Thông qua Chỉ số công tác chỉ đạo điều hành CCHC năm 2013 cho thấy thực tiễn triển khai thực hiện công tác CCHC nói chung và chỉ đạo điều hành CCHC nói riêng phải có sự quyết tâm, chủ động của lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức tại cơ quan đó. Điều này được thể hiện qua việc các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện đã có kế hoạch CCHC, kế hoạch kiểm tra, kế hoạch tuyên truyền công tác CCHC; báo cáo CCHC đúng hạn, chất lượng tốt; có sáng kiến trong công tác CCHC; bố trí đầy đủ nguồn lực (nhân lực, tài chính,...) cho công tác CCHC; bố trí hòm thư góp ý tại cơ quan, đơn vị, bố trí sử dụng đường dây nóng để tiếp nhận phản ánh của các tổ chức, cá nhân,... Tiêu biểu các cơ quan có Chỉ số về công tác chỉ đạo điều hành cao như: Sở Tư pháp (21,52/23 điểm, đạt 93,57%), Ban quản lý các Khu Kinh tế (20,46/23 điểm, đạt 88,96%), ...

Tuy nhiên, vẫn còn nhiều sở, ban, ngành chưa coi trọng và ít quan tâm tới công tác chỉ đạo, điều hành CCHC, chưa chú trọng việc ban hành hoặc ban hành chậm kế hoạch CCHC (Văn phòng UBND tỉnh, Sở Công Thương, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Thanh tra tỉnh); nhiều đơn vị không có báo cáo CCHC theo quy định (Sở Công Thương, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Ngoại vụ); nhiều đơn vị chưa bố trí được kinh phí triển khai thực hiện CCHC (Sở Công Thương, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, Sở Ngoại vụ, Thanh tra tỉnh,...); phần nhiều các sở, ngành chưa gắn kết quả thực hiện CCHC với công tác thi đua, khen thưởng,... Điều này đã làm cho Chỉ số về công tác chỉ đạo điều hành một số cơ quan thấp dưới mức trung bình như: Sở Công Thương (7,26/23 điểm, chỉ đạt 31,56%), Sở Giáo dục và Đào tạo (8,03/23 điểm, chỉ đạt 34,91%), Sở Ngoại vụ (8,04/23 điểm, chỉ đạt 34,96%), Sở Lao động-Thương binh và Xã hội (9,76/23 điểm, chỉ đạt 42,43%), Thanh tra tỉnh (10,88/23 điểm, chỉ đạt 47,3%), Sở Khoa học và Công nghệ (11,46/23 điểm, chỉ đạt 49,83%),...

b. Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật

Các tiêu chí thành phần về xây dựng, tham mưu xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố đã được triển khai thực hiện khá toàn diện, thể hiện ở các tiêu chí thành phần về mức độ xây dựng và thực hiện chương trình, kế hoạch ban hành văn bản quy phạm pháp luật hàng năm đã được phê duyệt; thực hiện đúng quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; mức độ phù hợp, tính khả thi, tính hiệu quả của văn bản quy phạm pháp luật; chủ động xây dựng kế hoạch rà soát, tự kiểm tra, xử lý hoặc kiến nghị xử lý sau rà soát, tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật; công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật được thường xuyên và kịp thời. Các kế hoạch đã được ban hành đúng thời gian, đảm bảo các yêu cầu về các điều kiện và cơ sở vật chất, nguồn nhân lực. Nhìn chung Chỉ số tự đánh giá, Chỉ số điều tra xã hội học đối với lĩnh vực này của các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố đều đạt Chỉ số tương đối cao, có 06 sở, ngành có Chỉ số này đạt trên 90% như: Sở Văn hóa-Thể thao và Du lịch (đạt 95,52%), Văn phòng UBND tỉnh (đạt 95,05%), Sở Nội vụ (đạt 94,86%), Sở Tư pháp (đạt 93,81%), Sở Giao thông vận tải (đạt 93,62%), Sở tài nguyên và Môi trường (đạt 93,24%). Đối với cấp huyện Chỉ số xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật đều đạt trên 90% (huyện Lệ Thủy xếp thứ nhất đạt 97,15% và huyện Tuyên Hóa thấp nhất đạt 90,3%).

Bên cạnh đó vẫn còn một số sở, ngành công tác tham mưu xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật còn hạn chế, trong năm không có tham mưu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo, Ban Dân tộc, Ban quản lý các Khu Kinh tế,...); chưa ban hành kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật (Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Xây dựng); chưa ban hành kế hoạch tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc phạm vi sở, ngành (Sở Công Thương, Sở Xây dựng, Sở Y tế,...). Qua đó đã làm cho Chỉ số xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật ở một số sở, ban, ngành tương đối thấp như: Sở Xây dựng (chỉ đạt 41,52%); Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (chỉ đạt 51,33%),...

c. Cải cách thủ tục hành chính

Thủ tục hành chính được coi là giải pháp đột phá trong mối quan hệ giải quyết công việc giữa cơ quan nhà nước đối với tổ chức, cá nhân, góp phần nâng cao hình ảnh của cơ quan hành chính nhà nước và đẩy mạnh CCHC nói chung. Chỉ số cải cách TTHC được đánh giá trên các nội dung đó là: Việc ban hành kế hoạch, mức độ thực hiện kế hoạch hoạt động kiểm soát TTHC; thực hiện quy trình đánh giá tác động đối với các quy định về TTHC; cập nhật kịp thời các quy định mới ban hành, bổ sung, sửa đổi về TTHC; kiểm soát và tổ chức thực thi các TTHC đã được UBND tỉnh công bố; Công khai TTHC tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

Kết quả cho thấy tại Chỉ số cải cách TTHC trung bình của các sở ban ngành là 76,69%; của UBND cấp huyện là 70,47%. Kết quả này cũng thể hiện những kết quả tích cực của cải cách TTHC trong năm 2013 của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố. Kết quả cụ thể, có 9/20 sở, ngành và 4/7 đơn vị cấp huyện đạt Chỉ số trên mức trung bình, trong đó có 3 cơ quan đạt Chỉ số trên 90% đó là: Sở Tư pháp (11/11,5 điểm, đạt 95,65%); Sở Nông nghiệp và PTNT (10,5/11,5 điểm, đạt 91,3%); Ban quản lý các Khu Kinh tế (10,5/11,5 điểm, đạt 91,3%).

Tuy nhiên qua xác định Chỉ số cải cách TTHC vẫn còn có cơ quan chưa ban hành kế hoạch hoạt động kiểm soát TTHC (Thanh tra tỉnh, Ban Dân tộc, Quảng Ninh, Minh Hóa), nhiều cơ quan ban hành chậm thời gian so với quy định; nhiều cơ quan chưa tổ chức rà soát, đánh giá các quy định về TTHC trong các văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành để kịp thời phát hiện, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các quy định còn bất cập, rườm rà; nhiều cơ quan chưa kịp thời niêm yết công khai địa chỉ tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân đối với các quy định về TTHC. Chính vì vậy một số cơ quan, đơn vị đạt Chỉ số cải cách TTHC thấp như: Thanh tra tỉnh (6,4/11,5 điểm, đạt 55,65%), Văn phòng UBND tỉnh (6,7/11,5 điểm, đạt 58,26%), Sở Lao động-Thương binh và Xã hội (7,4/11,5 điểm, đạt 64,35%); UBND huyện Minh Hóa (2,4/9 điểm, chỉ đạt 26,67%),...

d. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

Chỉ số cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước năm 2013 cho thấy hầu hết các sở, ban, ngành đã tổ chức thực hiện tốt nội dung cải cách tổ chức bộ máy, góp phần đạt được chỉ số cao tại các tiêu chí về tuân thủ các quy định của Chính phủ về tổ chức bộ máy; thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị; thanh tra, kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan, đơn

vị trực thuộc; thực hiện phân cấp quản lý theo quy định; thực hiện thanh tra, kiểm tra, xử lý các vấn đề về phân cấp quản lý. Kết quả cụ thể, có 10/20 sở, ngành; 02/7 huyện, thành phố đạt Chỉ số cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước trên 90%.

Tuy nhiên, vẫn còn một số cơ quan Chỉ số cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước thấp dưới mức trung bình như: Sở Công Thương (3,37/10 điểm, đạt 33,7%); Ban Dân tộc (3,67/10 điểm, đạt 36,7%); Sở Y tế (4,56/10 điểm, đạt 45,6%); UBND huyện Quảng Trạch (3,5/10 điểm, đạt 35,40%); UBND huyện Tuyên Hóa (4,79/10 điểm, đạt 47,9%). Sở dĩ các đơn vị đạt Chỉ số này thấp là do chưa xây dựng được các kế hoạch thanh tra, kiểm tra tổ chức hoạt động các cơ quan chuyên môn trực thuộc hoặc mức độ thực hiện thanh tra, kiểm tra thấp; chưa thực hiện về phân cấp quản lý; chưa tuân thủ các quy định về tổ chức bộ máy,...

d. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

Tại Chỉ số xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chỉ có 02 đơn vị cấp sở, ngành và 01 huyện đạt chỉ số trên 80% (Sở Tư pháp, 13,68/16 điểm, đạt 85,5%; Sở Giáo dục và Đào tạo, 15,3/16 điểm, đạt 84,38%; huyện Quảng Ninh, 15,56/18 điểm, đạt 86,44%). Nhìn chung mức độ thực hiện cơ cấu công chức, viên chức; thực hiện bố trí công chức, viên chức đã được tuyển dụng theo đúng quy định; công tác đào tạo, bồi dưỡng; đánh giá cán bộ, công chức, viên chức đã được các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố quan tâm chỉ đạo thực hiện nghiêm túc. Chất lượng cán bộ, công chức viên chức, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, tinh thần trách nhiệm đối với công việc, thái độ phục vụ của cán bộ công chức qua điều tra khảo sát được nhân dân, các tổ chức có liên quan và doanh nghiệp đánh giá khá tốt.

Tuy nhiên, Chỉ số này cũng cho thấy 100% các cơ quan, đơn vị, địa phương chưa xây dựng được vị trí việc làm đối với các cơ quan hành chính; 100% cơ quan, đơn vị, địa phương chưa thực hiện thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức vụ lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của đơn vị; nhiều cơ quan, đơn vị, địa phương chưa ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm, tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng hàng năm chưa đạt yêu cầu theo quy định. Nhiều cơ quan, đơn vị, địa phương chưa xây dựng kế hoạch để thu hút người tài về công tác. Tình trạng lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân qua điều tra khảo sát cũng được nhân

dân và các doanh nghiệp đánh giá là có nhưng ở một số ít cơ quan, đơn vị, địa phương.

e. Đổi mới cơ chế tài chính

Chỉ số đổi mới cơ chế tài chính được đánh giá trên các tiêu chí về thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính tại các cơ quan hành chính, đánh giá thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp công lập; điều tra khảo sát tác động của việc thực hiện cơ chế tài chính đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương. Qua kết quả cho thấy Chỉ số đổi mới cơ chế tài chính tại tỉnh thực hiện rất tốt, bình quân chung các sở, ngành đạt 84,87%, cấp huyện đạt 87,43%. 100% cơ quan hành chính đã thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính sự nghiệp. Chỉ còn một số đơn vị sự nghiệp ở huyện Minh Hóa chưa thực hiện hoàn toàn về cơ chế tự chủ.

f. Hiện đại hóa hành chính

Chỉ số hiện đại hóa hành chính được đánh giá tại 3 tiêu chí đó là: Ứng dụng công nghệ thông tin; chất lượng cung cấp thông tin trên Trang thông tin điện tử và áp dụng ISO trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị, địa phương. Kết quả có 08 sở, ngành và 02 huyện, thành phố đạt Chỉ số hiện đại hóa hành chính trên 80%. Phân tích sâu ở các tiêu chí thành phần thì có 100% sở, ngành và UBND cấp huyện đã tổ chức thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước đúng quy định và 100% cơ quan, đơn vị có sử dụng mạng nội bộ để trao đổi công việc, văn bản điện tử; 100% cơ quan, đơn vị, địa phương đã triển khai thực hiện và ứng dụng phần mềm quản lý văn bản, trong đó có 08 sở, ngành thực hiện tốt, 19 sở, ngành, UBND cấp huyện thực hiện khá, không có đơn vị trung bình và yếu. Trang thông tin điện tử của các sở, ngành, địa phương được xây dựng và cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời về các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc cơ quan, đơn vị. Các cơ quan, đơn vị, địa phương đã triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO được tiếp tục duy trì, cải tiến theo đúng quy định.

Tuy nhiên, qua Chỉ số hiện đại hóa hành chính cho thấy mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến của tỉnh đang chủ yếu ở mức độ 1, 2; mức độ sử dụng thư điện tử của tỉnh trong trao đổi công việc còn thấp; Trang thông tin điện tử của một số cơ quan, đơn vị, địa phương chậm cập nhật thông tin, mức độ thuận tiện trong truy cập, khai thác còn hạn chế; còn 7/20 sở, ngành, 3/7 đơn vị cấp huyện chưa triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO

hoặc còn một số sở, ngành chưa thường xuyên duy trì, cải tiến hệ thống ISO (Sở Nội vụ, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội).

g. Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

Chỉ số thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông được đánh giá trên các tiêu chí về xây dựng duy trì Bộ phận một cửa, một cửa liên thông; về số lượng TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị tại Bộ phận một cửa, một cửa liên thông; chất lượng phục vụ tại Bộ phận một cửa, một cửa liên thông của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện, cấp xã.

Qua Chỉ số thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông cho thấy hiện có 10/20 sở, ngành đang duy trì Bộ phận một cửa; 7/7 huyện, thành phố đã xây dựng, đưa vào sử dụng Bộ phận một cửa liên thông hiện đại. Cơ sở vật chất tại Bộ phận một cửa liên thông hiện đại cấp huyện được trang bị đầy đủ, đúng quy định. Qua điều tra khảo sát về chất lượng phục vụ tại Bộ phận một cửa, một cửa liên thông cho thấy thái độ phục vụ của công chức, thời gian giải quyết TTHC, chất lượng giải quyết TTHC được người dân, doanh nghiệp đánh giá tương đối tốt.

Tuy nhiên, bên cạnh đó cho thấy còn một số tồn tại nổi lên đó là: Nhiều đơn vị cấp sở không thực hiện Bộ phận một cửa, một cửa liên thông; 100% đơn vị cấp sở chưa áp dụng cơ chế một cửa liên thông; số lượng TTHC giải quyết qua Bộ phận một cửa, một cửa liên thông còn thấp, chưa đạt yêu cầu; điều kiện về cơ sở, vật chất tại Bộ phận một cửa ở một số sở, ngành chưa đúng theo quy định, nhiều đơn vị chưa bố trí diện tích ngồi chờ, nơi đón tiếp tổ chức, cá nhân đến giao dịch. Qua điều tra khảo sát cho thấy vẫn còn nhiều cơ quan, đơn vị, địa phương giải quyết TTHC tại Bộ phận một cửa, một cửa liên thông chưa đảm bảo quy định về thời gian, chất lượng chưa cao, hồ sơ giải quyết chậm,...

(Đính kèm Phụ lục 7, 8 - Tổng hợp điểm theo các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần đối với các sở, ban, ngành cấp tỉnh)

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Nhận xét, đánh giá

a. Ưu điểm

- Việc triển khai kế hoạch xác định Chỉ số CCHC về cơ bản theo đúng kế hoạch, đảm bảo chất lượng và tiến độ thời gian. Trong quá trình triển khai, Sở Nội vụ đã nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh, sự phối

hợp chặt chẽ của các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố, được đông đảo người dân, doanh nghiệp và các tổ chức có liên quan nhiệt tình trả lời phiếu điều tra, khảo sát.

- Việc tổ chức công tác tự đánh giá, chấm điểm được các cơ quan, đơn vị, địa phương tiến hành nghiêm túc, khách quan, tương đối chính xác, việc chấm các tiêu chí dựa trên các căn cứ, tài liệu kiểm chứng đảm bảo độ tin cậy cao. Công tác thẩm định được tổ chức khẩn trương, nghiêm túc, phát huy được sự tham gia của các sở, ban, ngành trong việc đề xuất ý kiến, tham mưu để Sở Nội vụ có cơ sở trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định điểm đánh giá đối với các tiêu chí, tiêu chí thành phần của Chỉ số CCHC các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã một cách khách quan, công bằng.

- Chỉ số CCHC phản ánh tương đối khách quan, trung thực kết quả triển khai cải cách hành chính thực tế của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố năm 2013 và là nguồn thông tin quan trọng giúp các cơ quan, đơn vị, địa phương nhận biết được những mặt mạnh, mặt yếu của mình trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2013, từ đó tác động tích cực đến công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính của người đứng đầu cơ quan hành chính trong các năm tiếp theo.

b. Tồn tại, hạn chế

- Do lần đầu tiên triển khai nên nhiều cơ quan, đơn vị, địa phương còn thiếu kinh nghiệm, lúng túng trong xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện. Cơ sở dữ liệu về các lĩnh vực cải cách hành chính còn thiếu nên khó khăn cho việc đánh giá các tiêu chí, tiêu chí thành phần. Việc phối hợp giữa các cơ quan tham mưu cải cách hành chính và các cơ quan liên quan chưa chặt chẽ, thường xuyên nên ảnh hưởng đến công tác tổng hợp, thu thập số liệu để tự chấm điểm cho các tiêu chí, tiêu chí thành phần của Chỉ số CCHC.

- Nguồn lực (con người, tài chính) triển khai xác định Chỉ số CCHC còn thiếu. Nhất là công tác điều tra xã hội học các nhóm đối tượng phải tiến hành với quy mô mẫu lớn, thời gian triển khai ngắn, trong khi sự phối hợp của Sở Nội vụ với một số cơ quan còn lúng túng, ảnh hưởng đến việc triển khai tiến độ thời gian điều tra xã hội học.

- Một số sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã chưa quan tâm chỉ đạo chặt chẽ, thường xuyên, quyết liệt nên kết quả triển khai chậm so với quy định, báo cáo tự đánh giá, chấm điểm sơ sài, không theo hướng dẫn của

và thiếu các tài liệu kiểm chứng, do đó phải yêu cầu bổ sung tài liệu và hoàn thiện lại báo cáo nên ảnh hưởng đến tiến độ thời gian.

2. Đề xuất, kiến nghị

Để đảm bảo triển khai xác định Chỉ số CCHC năm 2014 và các năm tiếp theo được tốt hơn, Sở Nội vụ đề xuất, kiến nghị một số vấn đề sau :

- Đề nghị các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã căn cứ vào Chỉ số CCHC năm 2013 có giải pháp cần thiết trong xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch cải cách hành chính năm 2014 để nâng cao chất lượng, hiệu quả triển khai cải cách hành chính của mình. Quan tâm chỉ đạo và chuẩn bị các điều kiện cần thiết để tổ chức triển khai tốt kế hoạch xác định Chỉ số CCHC năm 2014 và các năm tiếp theo.

- Đề nghị UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Tài chính quan tâm bố trí đầy đủ kinh phí để Sở Nội vụ, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã có đủ điều kiện và thuận lợi hơn trong triển khai kế hoạch xác định Chỉ số CCHC năm 2014 và các năm tiếp theo.

Trên cơ sở rút kinh nghiệm trong triển khai xác định Chỉ số CCHC năm 2013, Sở Nội vụ sẽ phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương, các chuyên gia cải cách hành chính tiếp tục nghiên cứu đề nghị UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số tiêu chí, tiêu chí thành phần của Chỉ số CCHC cấp sở, cấp huyện để đánh giá kết quả triển khai cải cách hành chính tại các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã thực chất, hiệu quả hơn. Đồng thời, Sở Nội vụ cũng xem xét, rút kinh nghiệm công tác tổ chức điều tra xã hội học được tốt hơn để kết quả thu được phản ánh thực chất, khách quan ý kiến của người dân, tổ chức, cán bộ, công chức đánh giá về kết quả cải cách hành chính cấp sở, cấp huyện.

Với những kết quả đã đạt được nêu trên, Sở Nội vụ kính báo cáo và đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh quyết định công bố Chỉ số CCHC năm 2013 của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Quảng Bình./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND cấp huyện;
- Lưu: VT, CCHC.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

(Đã ký)

Hoàng Văn Cường